ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG

Số: TVHN-275/AGIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 02 tháng 10 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THUỶ VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến tình hình thuỷ văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng; diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu xuống chậm, khu vực nội đồng mực nước ít biến đổi.

- Khu vực sông Mekong tại Kratie (Campuchia): Mực nước xuống nhanh.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 01/10 trên các sông, kênh ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-55cm. Mực nước cao nhất tại trạm Khánh An và Châu Đốc trên BĐ1 từ 05-07cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất ngày 01/10 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-52cm. Mực nước cao nhất sông Hậu tại Long Xuyên trên BĐ3 02cm, trên rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới trên BĐ2 22cm, trên sông Vàm Nao tại Phú Tân trên BĐ1 25cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch ít biến đổi. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 01/10 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN phổ biến từ 10-35cm. Mực nước cao nhất trên kênh Vĩnh Tế tại Vĩnh Gia, Vĩnh Điều; trên kênh T3 tại Vĩnh Phú; trên kênh T5 tại Nông Trường và trên kênh Tám Ngàn tại Lò Gạch thấp hơn BĐ1 từ10-35cm. Mực nước cao nhất trên kênh RG-LX tại trạm Núi Sập, Tân Thành, Tân Hiệp và trên kênh Vĩnh Tế tại trạm Xuân Tô trên BĐ1 từ 05-25cm. Các trạm còn lại phổ biến xấp xỉ đến trên BĐ2 từ 05-15cm.

- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 01/10 là 80cm (BĐ1), xấp xỉ đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh có xu thế xuống chậm theo triều trong 5 ngày tới. Mực nước cao nhất tại trạm Khánh An và Châu Đốc vẫn duy trì ở mức trên BĐ1 từ 05-10cm trong 1-2 ngày đầu.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, rạch có xu thế xuống chậm theo triều. Mực nước cao nhất trên sông Hậu tại Long Xuyên và trên Rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới duy trì ở mức trên BĐ2 trong 2-3 ngày tới.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.

- Vùng cửa sông: Mực nước tại trạm Xẻo Rô trên sông Cái Lớn có xu thế lên chậm theo triều tới ngày 04/10. Đỉnh triều cao nhất khả năng đạt BĐ2.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Xuất hiện ngập, úng khu vực trũng thấp vùng đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu và khu vực nội đồng TGLX. Ngập lụt vùng hạ lưu sông tại các xã Chợ Mới, Nhơn Mỹ, Mỹ Hòa Hưng và vùng ven sông Cái Lớn, Cái Bé; ngập lụt trong khu vực đô thị tại các phường Long Xuyên, Bình Đức và Mỹ Thới....do triều cường.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiện tượng ngập, úng ảnh hưởng đến giao thông và hoạt động sản xuất địa phương.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 03/10/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin

Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày 01/10		So với 30/9	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN	Dự báo				
		BĐ1	BĐ2	BĐ3						02/10	03/10	04/10	05/10	06/10
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	330	-5 ▼	-9 ▼	-32 ▼	320	315	310	305	300
					Hmin	291	-7 ▼	-33 ▼	-55 ▼	285	280	275	270	265
Ông Chưởng	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	272	-12 ▼	22 ▲	17 ▲	260	250	240	235	245
					Hmin	199	-8 ▼	-16 ▼	-18 ▼	193	187	181	175	170
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	425	-5 ▼	-30 ▼	-6 ▼	420	415	410	405	400
					Hmin	419	-6 ▼	-31 ▼	-7 ▼	414	409	404	399	395
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	307	-7 ▼	21 ▲	-17 ▼	300	295	290	285	280
					Hmin	262	-5 ▼	-8 ▼	-44 ▼	258	253	248	243	238
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	252	-14 ▼	52 ▲	45 ▲	237	227	217	212	222
					Hmin	154	-6 ▼	-1 ◀▶	4 ▲	148	142	136	130	125
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	275	-11 ▼	23 ▲	5 ▲	260	250	240	235	245
					Hmin	210	-6 ▼	-12 ▼	-28 ▼	204	198	192	186	180
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	316	-2 ▼	24 ▲	14 ▲	314	312	310	308	306
					Hmin	313	-3 ▼	25 ▲	15 ▲	311	309	307	305	303
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	167	-1 ◀▶	33 ▲	5 ▲	166	165	164	163	162
					Hmin	165	-1 ◀▶	35 ▲	6 ▲	164	163	162	160	158
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	152	-1 ◀▶	35 ▲	36 ▲	151	150	149	148	147
					Hmin	148	-3 ▼	36 ▲	37 ▲	147	146	145	143	141
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	133	-2 ▼	26 ▲	27 ▲	132	131	130	129	128
					Hmin	131	-1 ◀▶	28 ▲	28 ▲	130	129	128	126	124
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	143	-1 ◀▶	29 ▲	30 ▲	142	141	140	139	138
					Hmin	141	-1 ◀▶	28 ▲	30 ▲	140	139	138	136	134
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	203	-1 ◀▶	21 ▲	-1 ◀▶	202	201	200	199	198
					Hmin	201	-2 ▼	21 ▲	0 ◀▶	200	199	198	196	194
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	188	1 ◀▶	28 ▲	33 ▲	187	186	185	184	183
					Hmin	185	0 ◀▶	27 ▲	32 ▲	184	183	182	180	178
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	119	-1 ◀▶	12 ▲	27 ▲	119	119	118	117	115
					Hmin	118	0 ◀▶	13 ▲	29 ▲	118	118	117	115	113
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	161	0 ◀▶	33 ▲	1 ◀▶	161	161	160	159	157
					Hmin	158	-1 ◀▶	32 ▲	0 ◀▶	158	158	157	155	153
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	186	0 ◀▶	20 ▲	29 ▲	186	186	185	184	182
					Hmin	180	-1 ◀▶	21 ▲	27 ▲	180	180	179	177	175
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	244	-1 ◀▶	20 ▲	21 ▲	241	237	233	230	235
					Hmin	232	-3 ▼	16 ▲	17 ▲	229	226	223	220	217
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	177	-1 ◀▶	16 ▲	9 ▲	175	173	170	168	170
					Hmin	163	-2 ▼	14 ▲	2 ▲	161	159	157	155	153

RG-LX	Tân Thành	120	150	**180**	Hmax	**139**	0	◀▶	18	▲	28	▲	139	139	138	137	135
					Hmin	**137**	0	◀▶	19	▲	30	▲	137	137	136	134	132
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	**150**	Hmax	**112**	0	◀▶	17	▲	14	▲	112	112	111	110	108
					Hmin	**111**	0	◀▶	17	▲	15	▲	111	111	110	108	106
Kiên	Rạch Giá	70	80	**90**	Hmax	**73**	0	◀▶	14	▲	21	▲	74	75	76	72	65
					Hmin	**1**	-6	▼	-8	▼	2	▲	0	-1	-2	-3	0
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	**100**	Hmax	**80**	1	◀▶	22	▲	33	▲	85	88	90	83	75
					Hmin	**-9**	-7	▼	4	▲	7	▲	-12	-14	-16	-18	-15

Chú thích: ▲ *Cao hơn;* ▼ *Thấp hơn;* ◀▶ *Xấp xỉ;*

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm

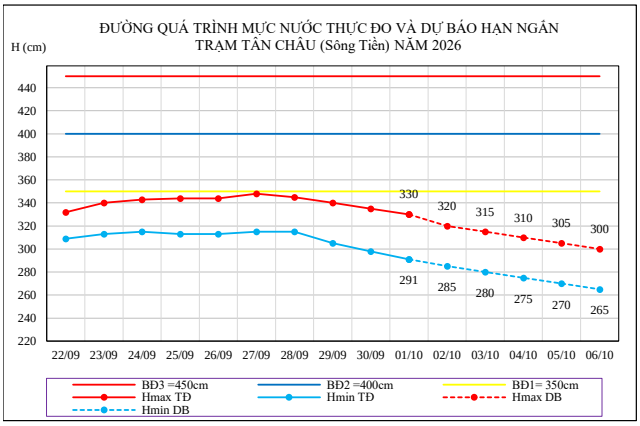

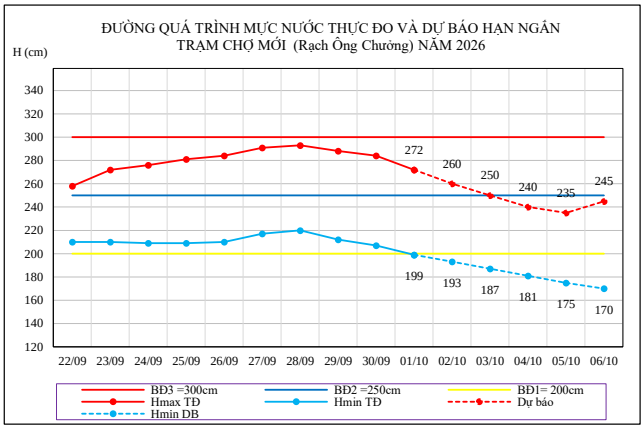

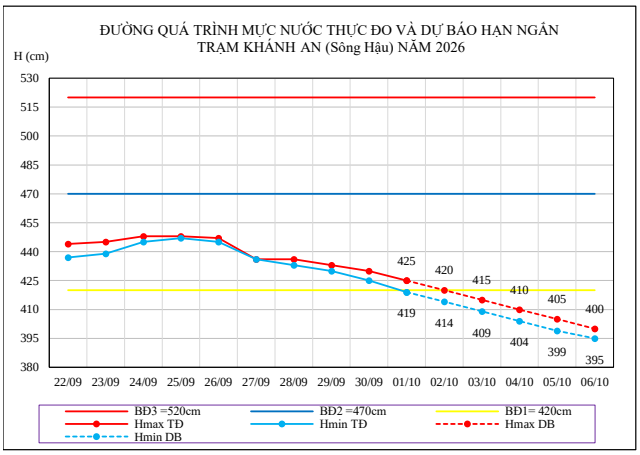

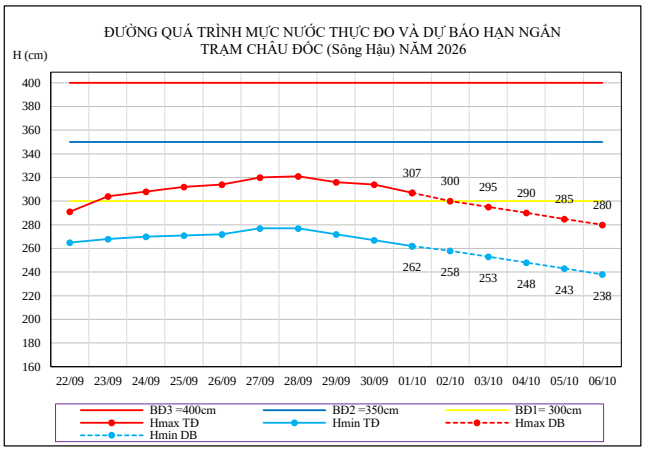

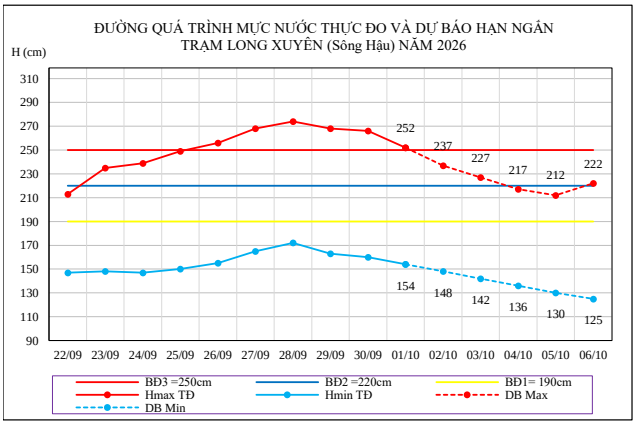

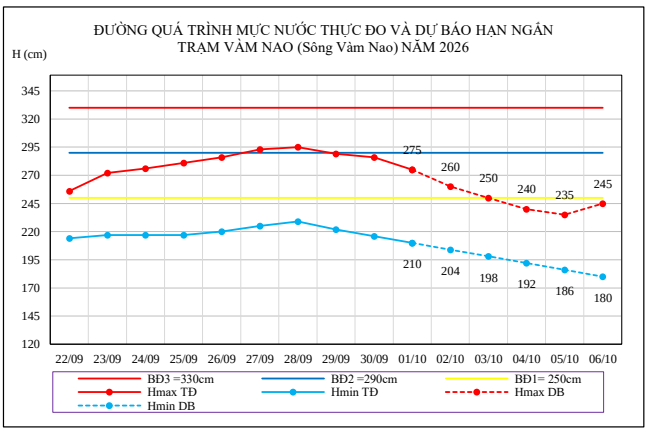

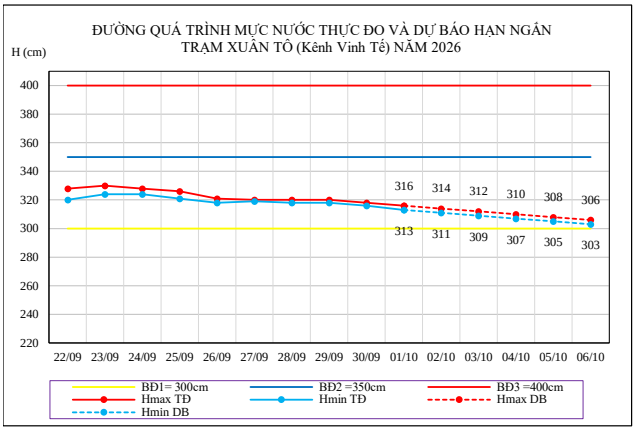
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XUÂN TÔ (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
400
380
360
340
320
300
280
260
240
220
316 314 312 310 308 306
313 311 309 307 305 303
22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10 03/10 04/10 05/10 06/10
BĐ1= 300cm
BĐ2 =350cm
BĐ3 =400cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

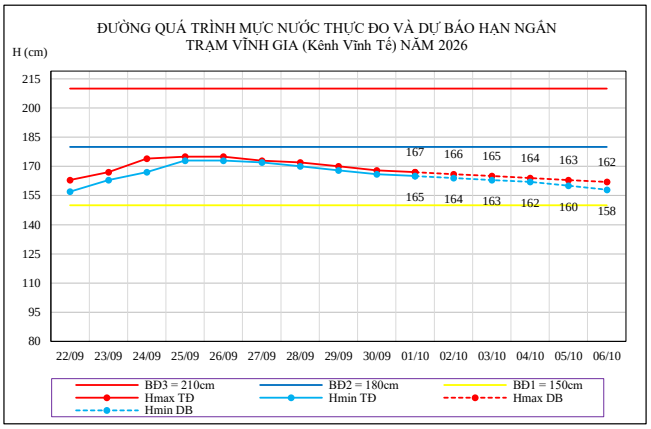
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH GIA (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
215
200
185
170
155
140
125
110
95
80
167 166 165 164 163 162
165 164 163 162 160 158
22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10 03/10 04/10 05/10 06/10
BĐ3 = 210cm
BĐ2 = 180cm
BĐ1 = 150cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

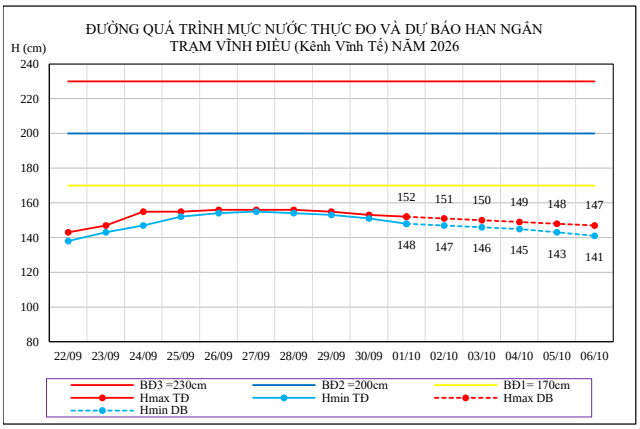
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH ĐIỀU (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
240
220
200
180
160
140
120
100
80
152 151 150 149 148 147
148 147 146 145 143 141
22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10 03/10 04/10 05/10 06/10
BĐ3 =230cm
BĐ2 =200cm
BĐ1= 170cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

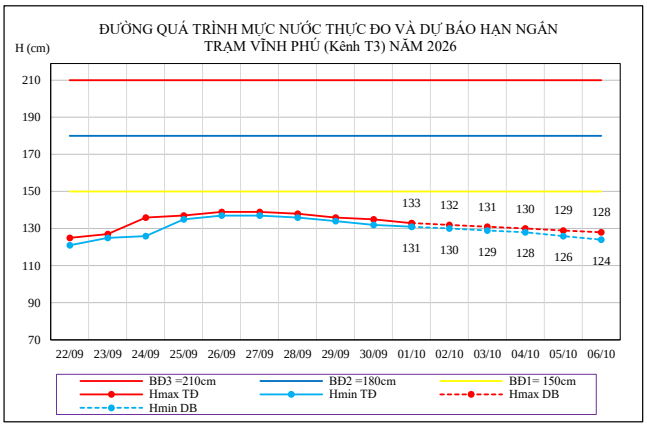
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH PHÚ (Kênh T3) NĂM 2026
H (cm)
210
190
170
150
130
110
90
70
133 132 131 130 129 128
131 130 129 128 126 124
22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10 03/10 04/10 05/10 06/10
BĐ3 =210cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 150cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

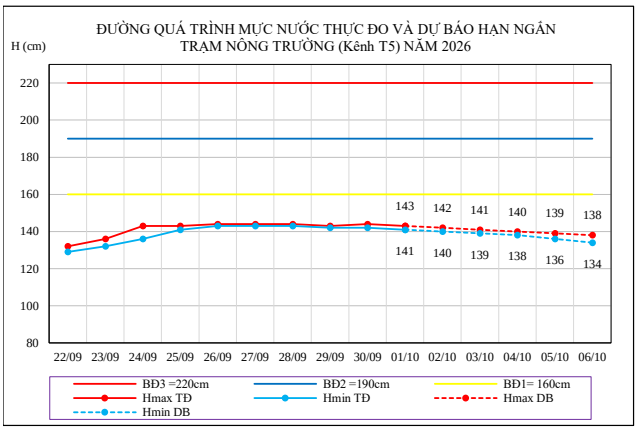
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÔNG TRƯỜNG (Kênh T5) NĂM 2026
H (cm)
220
200
180
160
140
120
100
80
143 142 141 140 139 138
141 140 139 138 136 134
22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10 03/10 04/10 05/10 06/10
BĐ3 =220cm
BĐ2 =190cm
BĐ1= 160cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

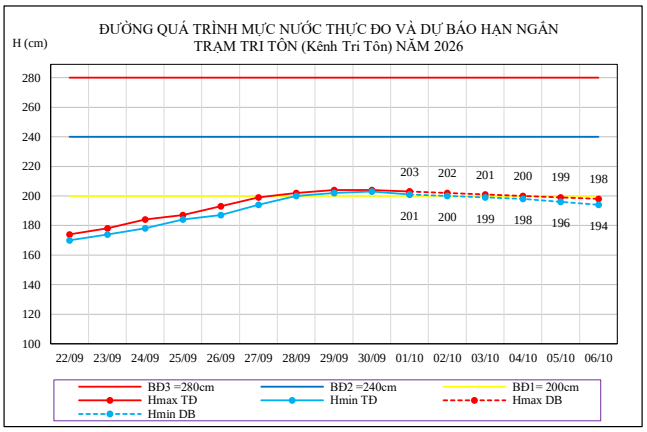
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TRI TÔN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
280
260
240
220
200
180
160
140
120
100
203 202 201 200 199 198
201 200 199 198 196 194
22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10 03/10 04/10 05/10 06/10
BĐ3 =280cm
BĐ2 =240cm
BĐ1= 200cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

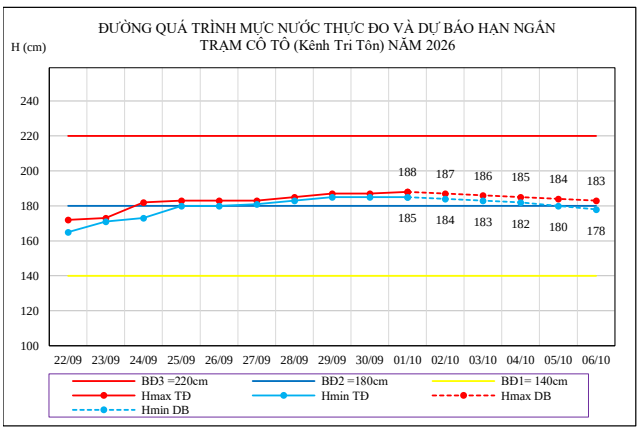
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM CỒ TÔ (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
240
220
200
180
160
140
120
100
188 187 186 185 184 183
185 184 183 182 180 178
22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10 03/10 04/10 05/10 06/10
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

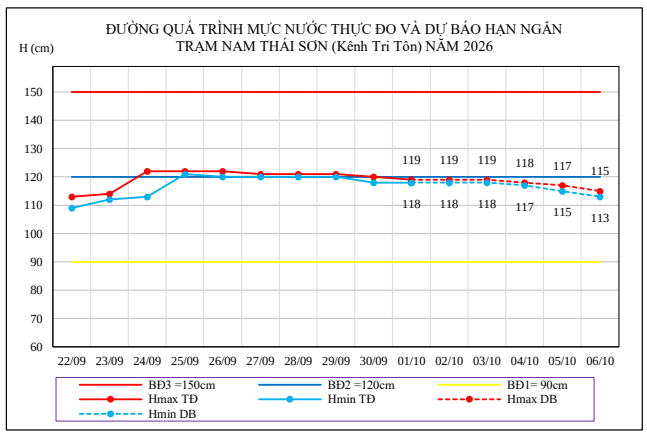
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NAM THÁI SƠN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
150
140
130
120
110
100
90
80
70
60
119 119 119 118 117 115
118 118 118 117 115 113
22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10 03/10 04/10 05/10 06/10
BĐ3 =150cm
BĐ2 =120cm
BĐ1= 90cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

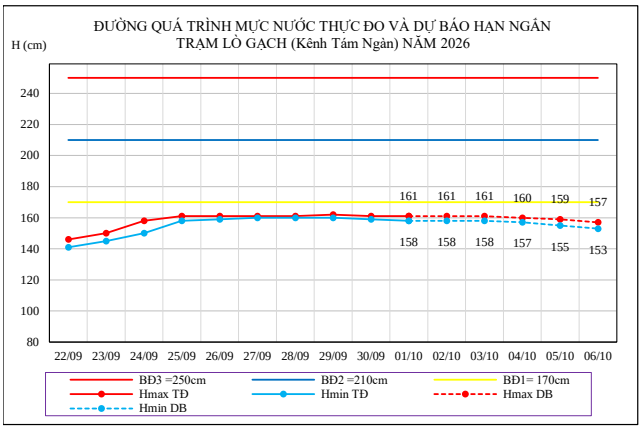
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM LÒ GẠCH (Kênh Tám Ngàn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =250cm
BĐ2 =210cm
BĐ1= 170cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

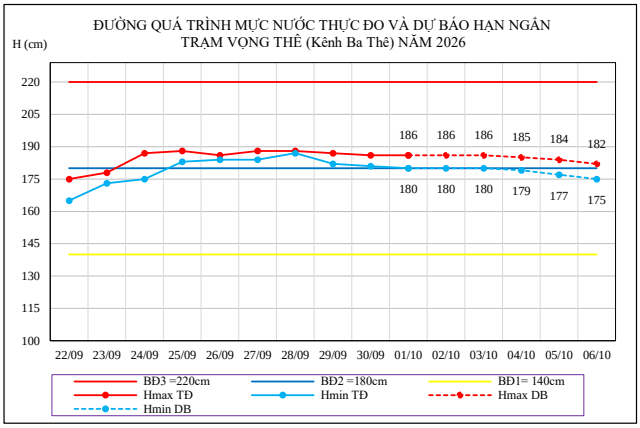
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VỌNG THÊ (Kênh Ba Thê) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

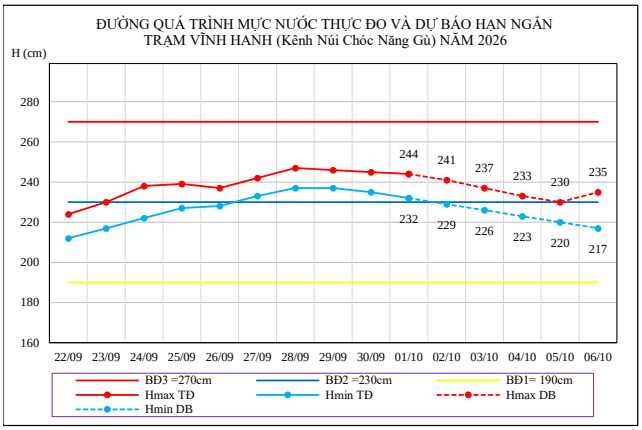
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH HANH (Kênh Núi Chóc Năng Gù) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =270cm
BĐ2 =230cm
BĐ1= 190cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

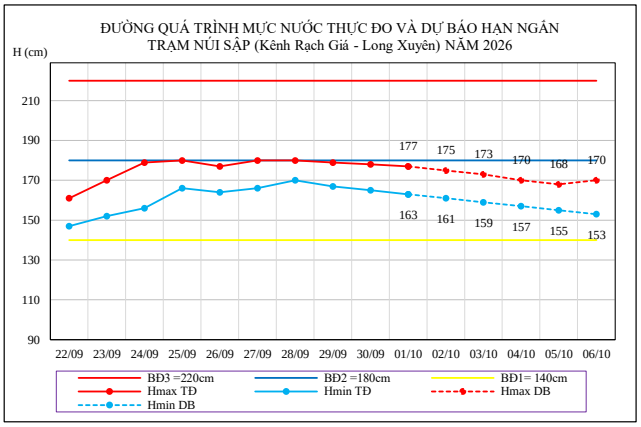
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÚI SẬP (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

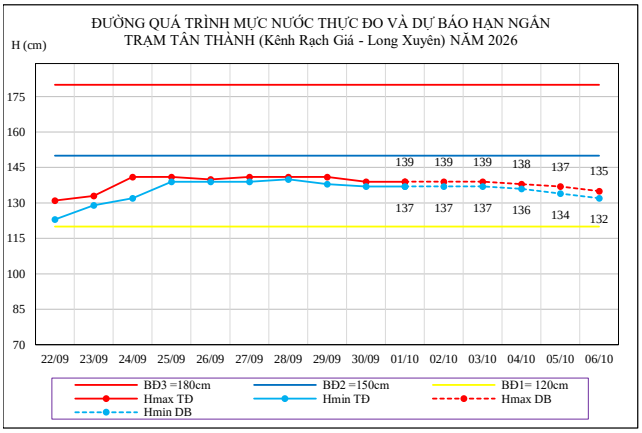
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN THÀNH (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =180cm
BĐ2 =150cm
BĐ1= 120cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

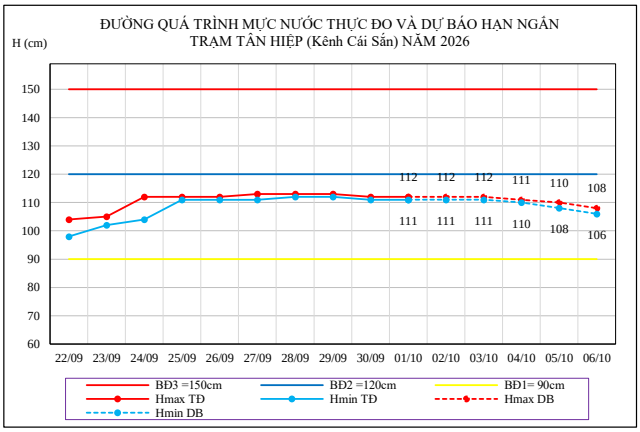
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN HIỆP (Kênh Cái Sắn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =150cm
BĐ2 =120cm
BĐ1= 90cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

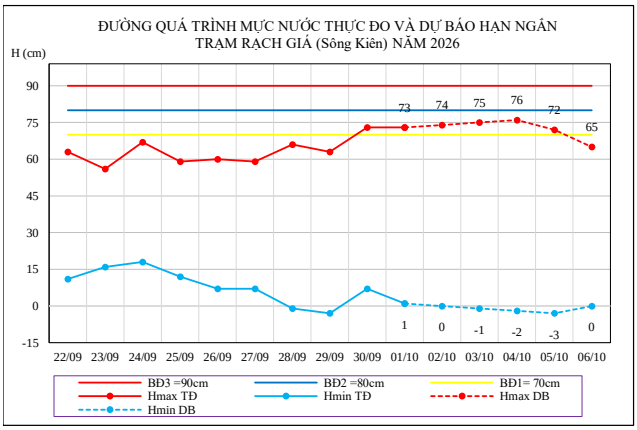
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM RẠCH GIÁ (Sông Kiên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =90cm
BĐ2 =80cm
BĐ1= 70cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

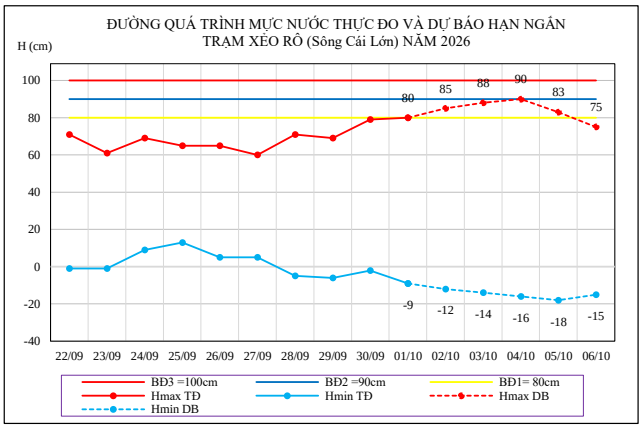
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XẺO RÔ (Sông Cái Lớn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =100cm
BĐ2 =90cm
BĐ1= 80cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB